

DANH SÁCH SV CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ GDQP AN KHOẢ 252
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ; KHOA QUỐC TẾ - ĐẠI HỌC HUẾ

TT	Mã SV	Họ và Tên	NS	Lớp	N.sinh	TB	TB	TB	TB	Ghi chú	
						HP1	HP2	HP3	HP4		
1	25K4080002	Nguyễn Thị Thúy	Châu	09/06/2007	TT Huế	K59 (HTTTQL)	7.4	7.4	.	9.3	VPQC Hp3
2	25K4080003	Mai Thị Diệu	Diệu	05/06/2007	Quảng Nam	K59 (HTTTQL)	6.7	6.9	7.2	.	
3	25K4080006	Mai Nguyễn Lan	Hương	07/10/2007	Đà Nẵng	K59 (HTTTQL)	6.8	8.1	6.9	.	
4	25K4080010	Phạm Anh Khoa	Khoa	13/10/2007	TT Huế	K59 (HTTTQL)	.	7.1	.	8.3	Xóa KQ Hp1,3
5	25K4080011	Nguyễn Đoàn Nguyên	Khôi	06/10/2007	TT Huế	K59 (HTTTQL)	Bảo lưu
6	25K4080016	Phạm Thị Kim	Phượng	07/05/2007	TT Huế	K59 (HTTTQL)	.	8.1	8.3	7.8	
7	25K4080022	Lê Thị Thùy	Trang	16/07/2007	TT Huế	K59 (HTTTQL)	7.4	7.1	.	8.2	
8	25K4080023	Phạm Vũ Phương	Trang	14/11/2007	Quảng Ngãi	K59 (HTTTQL)	7.4	7.4	.	8.5	
9	25K4080024	Nguyễn Lê Thanh	Vân	30/10/2007	Lâm Đồng	K59 (HTTTQL)	8.1	8.1	.	.	
10	25K4080026	Nguyễn Thị Phương	Vy	13/01/2007	Nghệ An	K59 (HTTTQL)	8.1	7.4	.	9.0	VPQC Hp3
11	25K4080027	Đỗ Thị Như Ý	Ý	07/12/2007	Đắk Nông	K59 (HTTTQL)	7.5	8.1	.	7.9	VPQC Hp3
12	25K4320043	Trần Ngọc Thùy	An	01/09/2007	TT Huế	K59 (Kinh tế số)	8.0	.	9.0	8.6	VPQC Hp2
13	25K4320057	Nguyễn Đăng Huy	Huy	30/09/2007	TT Huế	K59 (Kinh tế số)	7.4	8.1	.	7.3	VPQC Hp3
14	25K4320082	Nguyễn Dương Quang	Phú	04/01/2007	TT Huế	K59 (Kinh tế số)	Bảo lưu
15	25K4320092	Trần Khánh Toàn	Toàn	09/12/2007	Nghệ An	K59 (Kinh tế số)	8.1	7.9	8.3	.	
16	25K4320054	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	01/10/2007	Hà Tĩnh	K59 (Kinh tế số)	8.1	8.1	8.5	.	
17	25K4320093	Phạm Thị Thanh	Trà	18/04/2007	Đà Nẵng	K59 (Kinh tế số)	8.1	8.1	7.4	.	
18	25K4060003	Nguyễn Vũ Vân	Anh	15/04/2007	TT Huế	K59 (KT chính trị)	8.1	8.1	7.9	.	
19	25K4060001	Hoàng Nguyễn Minh	Anh	23/07/2006	TT Huế	K59 (KT chính trị)	6.5	8.1	.	7.9	
20	25K4060005	Hồ Việt Quốc	Bào	06/06/2007	TT Huế	K59 (KT chính trị)	6.0	7.4	.	7.9	
21	25K4060007	Lương Văn Thành	Đạt	16/11/2007	TT Huế	K59 (KT chính trị)	7.2	8.1	.	8.5	
22	25K4060010	Trần Bảo Duy	Duy	11/02/2007	TT Huế	K59 (KT chính trị)	7.2	8.1	.	8.5	
23	25K4060014	Hồ Phước	Hào	02/01/2007	TT Huế	K59 (KT chính trị)	6.4	7.4	.	8.7	
24	25K4060015	Phan Phước Anh	Hào	04/12/2007	TT Huế	K59 (KT chính trị)	7.4	7.4	.	8.5	
25	25K4060016	Nguyễn Nguyên	Hạo	26/11/2007	Kon Tum	K59 (KT chính trị)	7.4	8.1	.	8.8	
26	25K4060026	Hoàng Nguyễn Khánh	Linh	30/05/2007	TT Huế	K59 (KT chính trị)	6.7	7.4	.	.	
27	25K4060027	Phan Thị Thùy	Linh	05/12/2007	TT Huế	K59 (KT chính trị)	7.4	6.6	.	.	
28	25K4060033	Nguyễn Thị Trà	My	25/03/2007	TT Huế	K59 (KT chính trị)	5.8	6.7	.	.	
29	25K4060040	Lê Thị Uyển	Nhi	28/06/2007	TT Huế	K59 (KT chính trị)	8.1	8.1	8.9	.	
30	25K4060048	Nguyễn Thị Tố	Quyên	19/05/2007	TT Huế	K59 (KT chính trị)	7.9	6.7	.	8.6	
31	25K4060049	A Lăng Thị Như	Quỳnh	12/08/2006	Quảng Nam	K59 (KT chính trị)	7.4	6.7	.	8.2	
32	25K4060050	Lê Văn Rin	Rin	28/07/2007	TT Huế	K59 (KT chính trị)	7.4	7.0	.	8.1	
33	25K4060058	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	21/09/2007	Quảng Nam	K59 (KT chính trị)	7.2	7.4	.	9.3	
34	25K4060059	Phạm Thị Thùy	Tiên	17/07/2007	Quảng Bình	K59 (KT chính trị)	8.1	6.7	.	8.3	
35	25K4060062	Mai Hoàng Bảo	Trân	26/11/2007	TT Huế	K59 (KT chính trị)	7.9	8.1	.	.	
36	25K4060065	Nguyễn Thúc Thành	Trung	18/12/2007	TT Huế	K59 (KT chính trị)	7.1	7.4	6.5	.	
37	25K4060069	Đường Thị Cẩm	Vân	27/04/2007	Hà Tĩnh	K59 (KT chính trị)	7.2	6.0	.	7.6	

38	25K4060072	Nguyễn Trần Vũ	09/03/2007	Buôn Ma Thuột	K59 (KT chính trị)	6.4	.	.	8.1	.
39	25K4100008	Ngô Văn Quang Thái	27/08/2006	Quảng Bình	K59 (KTNN)	Bảo Lưu
40	25K4180005	Phạm Trần Khánh Ly	21/08/2007	TT Huế	K59 (TKKD)	8.1	8.1	8.3	.	.
41	25K4180012	Lê Thị Út Trinh	21/07/2007	TT Huế	K59 (TKKD)	7.4	7.4	.	.	.
42	25K4310002	Nguyễn Thị Trà My	19/10/2007	TT Huế	K59 CN tài năng (Kế toán)	7.4	6.0	8.0	.	.
43	25K4310003	Ngô Thùy Trinh	14/11/2007	Quảng Bình	K59 CN tài năng (Kế toán)	8.1	7.4	.	8.6	VPQC Hp3
44	25K4290003	Trương Nguyễn Ngọc Châu	26/01/2007	TT Huế	K59 CN tài năng (QTKD)	.	7.4	6.9	7.6	.
45	25K4290004	Nguyễn Kim Chi	01/09/2007	Hà Tĩnh	K59 CN tài năng (QTKD)	7.4	8.1	8.4	.	.
46	25K4290007	Nguyễn Hoàng Gia Hưng	25/07/2007	TT Huế	K59 CN tài năng (QTKD)	6.9	6.7	.	8.1	.
47	25K4290016	Phan Dương Trường Thịnh	20/05/2007	Quảng Trị	K59 CN tài năng (QTKD)	6.9	7.4	.	8.9	.
48	25K4290022	Nguyễn Thị Thảo Vy	21/12/2007	TT Huế	K59 CN tài năng (QTKD)	7.2	7.4	.	8.8	VPQC Hp3
49	25K4140014	Nguyễn Thị Giang	06/02/2007	Hà Tĩnh	K59 CTTT (KT-TC)	7.9	7.1	8.9	.	.
50	25K4140004	Đặng Ngọc Khánh Ly	01/01/2007	Quảng Trị	K59 CTTT (KT-TC)	8.2	8.1	.	6.9	VPQC Hp3
51	25K4140022	Hồ Ngọc Bảo Trâm	19/01/2007	TT Huế	K59 CTTT (KT-TC)	8.2	8.1	.	8.3	VPQC Hp3
52	25K4010015	Đinh Nguyên Chương	31/08/2007	Quảng Trị	K59A (Kinh tế)	8.1	7.8	7.4	.	.
53	25K4010030	Ngô Mạnh Dương	01/11/2007	Hà Tĩnh	K59A (Kinh tế)	7.4	7.1	8.3	.	.
54	25K4010031	Nguyễn Đức Duy	22/02/2007	TT Huế	K59A (Kinh tế)	7.4	6.4	8.2	.	.
55	25K4010050	Nguyễn Hữu Hoàng	18/04/2007	TT Huế	K59A (Kinh tế)	5.2	.	6.0	6.9	.
56	25K4010054	Hoàng Thị Diệu Hương	09/07/2007	TT Huế	K59A (Kinh tế)	.	6.4	8.6	.	.
57	25K4010073	Nguyễn Anh Khoa	20/11/2006	TT Huế	K59A (Kinh tế)	7.4	.	6.0	.	.
58	25K4010075	Nguyễn Đăng Khôi	11/12/2007	Quảng Nam	K59A (Kinh tế)	.	.	6.9	9.0	.
59	25K4010090	Trương Bảo Long	31/03/2007	TT Huế	K59A (Kinh tế)	.	6.4	6.2	6.3	.
60	25K4010092	Nguyễn Quang Mẫn	29/04/2007	TT Huế	K59A (Kinh tế)	7.4	.	.	8.2	.
61	25K4010099	Nguyễn Thị Kiều My	20/11/2007	Thanh Hóa	K59A (Kinh tế)	6.7	7.1	8.6	.	.
62	25K4010103	Lê Thị Linh Ngọc	23/10/2006	Quảng Bình	K59A (Kinh tế)	7.4	7.4	.	6.5	.
63	25K4010114	Nguyễn Xuân Nhật	05/02/2007	TT Huế	K59A (Kinh tế)	8.1	.	7.8	9.0	.
64	25K4010119	Nguyễn Thị Thùy Nhi	01/08/2007	TT Huế	K59A (Kinh tế)	8.1	6.4	8.3	.	.
65	25K4010137	Nguyễn Khánh Quân	16/08/2007	TT Huế	K59A (Kinh tế)	7.4	.	8.3	8.7	.
66	25K4010136	Lê Hoàng Anh Quân	19/05/2007	Quảng Trị	K59A (Kinh tế)	8.1	7.1	7.8	.	.
67	25K4010143	Nguyễn Đình Sơn	11/11/2007	TT Huế	K59A (Kinh tế)	.	5.5	7.3	8.9	.
68	25K4010173	Nguyễn Hữu Tình	12/03/2007	Lào Cai	K59A (Kinh tế)	5.8	.	.	8.9	.
69	25K4010174	Nguyễn Văn Bảo Toàn	17/12/2007	TT Huế	K59A (Kinh tế)	7.2	.	8.0	6.3	.
70	25K4010180	Trương Trúc Bảo Trâm	30/12/2007	TT Huế	K59A (Kinh tế)	5.8	5.7	7.4	.	.
71	25K4010179	Trần Hoàng Bảo Trâm	19/12/2007	TT Huế	K59A (Kinh tế)	.	5.7	6.2	.	.
72	25K4010198	Phan Lê Tú Uyên	13/10/2007	TT Huế	K59A (Kinh tế)	6.7	7.1	8.0	.	.
73	25K4010202	Nguyễn Đình Vũ	28/03/2007	TT Huế	K59A (Kinh tế)	.	5.7	7.7	6.9	.
74	25K4010203	Nguyễn Thị Bảo Vy	02/11/2007	TT Huế	K59A (Kinh tế)	7.4	7.4	.	.	.
75	25K4010204	Nguyễn Thị Yến Vy	03/09/2007	Quảng Nam	K59A (Kinh tế)	5.8	.	5.7	8.8	.
76	25K4270004	Đỗ Nguyễn Trâm Anh	29/05/2007	TT Huế	K59A (KT quốc tế)	8.1	6.7	7.5	.	.
77	25K4270019	Dương Thị Giang	25/03/2007	Hà Tĩnh	K59A (KT quốc tế)	8.1	.	7.8	8.1	VPQC Hp2
78	25K4270023	Nguyễn Trần Bảo Hân	26/06/2007	Quảng Nam	K59A (KT quốc tế)	7.4	7.1	7.7	.	.
79	25K4270031	Hoàng Lâm Khánh Lam	16/06/2007	Quảng Bình	K59A (KT quốc tế)	6.0	.	7.8	8.1	VPQC Hp2
80	25K4270059	Nguyễn Ngọc Khánh Nhi	28/09/2007	TT Huế	K59A (KT quốc tế)	6.0	.	.	8.5	Xóa KQ Hp2,3
81	25K4270077	Võ Lê Thanh Thảo	15/06/2007	Quảng Trị	K59A (KT quốc tế)	.	7.4	7.8	9.1	.
82	25K4270082	Nguyễn Thị Phương Thùy	31/01/2007	Quảng Ngãi	K59A (KT quốc tế)	6.7	7.2	7.5	.	.
83	25K4270084	Nguyễn Thanh Tiến	13/09/2007	TT Huế	K59A (KT quốc tế)	8.1	7.1	8.0	.	.
84	25K4270086	Dương Thị Trà	25/03/2007	Hà Tĩnh	K59A (KT quốc tế)	8.1	.	7.8	8.3	VPQC Hp2
85	25K4020001	Lê Đức Ái	21/06/2007	Quảng Trị	K59A (QTKD)	8.1	6.7	.	8.3	.

86	25K4020002	Châu Văn	An	19/04/2006	TT Huế	K59A (QTKD)	7.4	7.4	.	7.4	VPQC Hp3
87	25K4020020	Phan Hồ	Bắc	01/01/2007	Hà Tĩnh	K59A (QTKD)	7.2	7.4	.	7.3	
88	25K4020028	Trần Su	Bin	10/01/2007	TT Huế	K59A (QTKD)	7.2	6.7	8.3	.	
89	25K4020053	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/09/2007	Quảng Bình	K59A (QTKD)	6.7	6.7	6.9	.	
90	25K4020084	Trần Huy	Hoàng	23/04/2007	Quảng Bình	K59A (QTKD)	7.3	7.4	8.9	.	
91	25K4020108	Lê Đình	Khoa	03/01/2007	TT Huế	K59A (QTKD)	7.4	7.4	8.3	.	
92	25K4020110	Nguyễn Duy	Khoa	20/06/2007	TT Huế	K59A (QTKD)	7.2	6.7	6.2	.	
93	25K4020126	Thái Hồng Cẩm	Linh	13/11/2007	TT Huế	K59A (QTKD)	6.4	.	.	8.1	
94	25K4020194	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhân	22/12/2007	TT Huế	K59A (QTKD)	7.4	7.4	.	7.9	
95	25K4020197	Hồ Ngọc	Nhật	10/09/2007	TT Huế	K59A (QTKD)	7.3	7.4	8.1	.	
96	25K4020213	Hoàng Thị Quỳnh	Như	09/06/2007	TT Huế	K59A (QTKD)	7.2	.	.	7.2	
97	25K4020231	Bùi Phước	Phúc	23/07/2007	TT Huế	K59A (QTKD)	8.1	7.4	7.1	.	
98	25K4020263	Võ Văn	Tài	27/08/2007	TT Huế	K59A (QTKD)	7.4	6.7	.	.	
99	25K4020293	Hồ Hiếu	Thuận	14/03/2007	TT Huế	K59A (QTKD)	7.9	8.1	.	8.7	
100	25K4020329	Trần Thị Hà	Trang	15/12/2007	Quảng Bình	K59A (QTKD)	8.1	7.9	.	6.8	
101	25K4020355	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	01/08/2007	TT Huế	K59A (QTKD)	7.4	8.1	.	8.2	VPQC Hp3
102	25K4160045	Trương Minh	Dũng	04/04/2007	Quảng Trị	K59A (TMĐT)	6.0	6.5	.	8.0	
103	25K4160054	Lê Việt	Hàn	23/02/2007	Quảng Trị	K59A (TMĐT)	7.9	7.1	7.1	.	
104	25K4160056	Lê Thị Thủy	Hằng	02/01/2007	TT Huế	K59A (TMĐT)	7.4	5.8	8.2	.	
105	25K4160074	Nguyễn Quốc	Hưng	29/04/2007	TT Huế	K59A (TMĐT)	7.4	7.2	8.3	.	
106	25K4160090	Lê Vĩ	Khang	17/05/2006	TT Huế	K59A (TMĐT)	6.7	7.9	7.1	.	
107	25K4160115	Phan Văn	Lộc	04/01/2007	TT Huế	K59A (TMĐT)	7.4	7.1	7.7	.	
108	25K4160120	Phạm Thị	Lý	07/09/2007	Quảng Nam	K59A (TMĐT)	7.4	7.1	7.4	.	
109	25K4160124	Đặng Anh	Minh	11/10/2007	TT Huế	K59A (TMĐT)	7.4	7.1	7.7	.	
110	25K4160163	Đỗ Minh	Nhật	29/06/2007	TT Huế	K59A (TMĐT)	8.1	8.1	8.6	.	
111	25K4160192	Nguyễn Phước Bảo	Quân	13/11/2007	TT Huế	K59A (TMĐT)	8.1	7.9	8.4	.	
112	25K4160222	Võ Thuận	Thiên	01/07/2007	TT Huế	K59A (TMĐT)	7.4	7.2	6.6	.	
113	25K4160225	Trần Văn	Thiên	14/10/2007	TT Huế	K59A (TMĐT)	8.1	7.2	8.3	.	
114	25K4160251	Trần Bảo	Trâm	09/09/2007	TT Huế	K59A (TMĐT)	8.1	.	8.0	8.5	VPQC Hp2
115	25K4160256	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	08/04/2007	TT Huế	K59A (TMĐT)	8.1	7.8	7.6	.	
116	25K4160274	Nguyễn Công	Trường	16/03/2007	TT Huế	K59A (TMĐT)	8.1	7.9	8.4	.	
117	25K4010022	Trần Kỳ	Doãn	24/10/2007	Nghệ An	K59B (Kinh tế)	.	6.4	8.2	.	
118	25K4010028	Nguyễn Đăng	Dũng	26/11/2007	TT Huế	K59B (Kinh tế)	.	5.8	7.8	7.2	
119	25K4010034	Nguyễn Thủy Thủy	Duyên	06/08/2007	Đà Nẵng	K59B (Kinh tế)	7.2	.	7.2	7.4	
120	25K4010039	Lê Phương	Hằng	10/07/2007	Quảng Ngãi	K59B (Kinh tế)	8.1	7.4	.	6.5	
121	25K4010044	Lê Bùi Trung	Hiếu	06/12/2007	TP. HCM	K59B (Kinh tế)	7.4	.	6.8	7.7	
122	25K4010045	Ngô Đình	Hiếu	29/09/2007	Quảng Trị	K59B (Kinh tế)	.	7.1	8.2	7.5	
123	25K4010048	Trần Văn	Hoan	02/04/2007	Quảng Trị	K59B (Kinh tế)	6.0	.	8.0	8.9	
124	25K4010076	Phạm Quang	Khôi	19/05/2007	TT Huế	K59B (Kinh tế)	6.0	6.4	.	9.0	
125	25K4010095	Lê Tuấn	Minh	27/03/2007	TT Huế	K59B (Kinh tế)	6.0	8.1	7.5	.	
126	25K4010112	Trần Thiện	Nhân	20/08/2007	TT Huế	K59B (Kinh tế)	7.4	7.1	8.2	.	
127	25K4010122	Nguyễn Thị Hà	Như	28/08/2007	Hà Tĩnh	K59B (Kinh tế)	8.1	6.0	.	8.8	
128	25K4010124	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	13/04/2007	Đắk Nông	K59B (Kinh tế)	8.1	7.4	7.5	.	
129	25K4010139	Trần Thị Thảo	Quyên	26/11/2007	Quảng Nam	K59B (Kinh tế)	6.0	6.7	.	8.7	
130	25K4010146	Nguyễn Văn	Tài	25/04/2007	Nghệ An	K59B (Kinh tế)	.	7.1	7.4	.	
131	25K4010170	Huỳnh Thị Hà	Tiên	11/03/2007	TT Huế	K59B (Kinh tế)	7.4	7.4	.	8.2	
132	25K4010182	Trần Thị Kiều	Trang	28/01/2007	Hà Tĩnh	K59B (Kinh tế)	8.1	7.8	8.7	.	
133	25K4010184	Lê Thị	Trinh	06/04/2007	TT Huế	K59B (Kinh tế)	8.1	8.1	.	8.7	

TRUNG
DỤC Q
VÀ AN
ĐẠI
HU
HỌ

134	25K4010191	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	23/05/2007	TT Huế	K59B (Kinh tế)	7.4	7.4	8.3	.	
135	25K4010190	Đoàn Ngọc	Tú	20/04/2007	TT Huế	K59B (Kinh tế)	6.0	7.3	.	.	
136	25K4010194	Nguyễn Văn	Tuấn	13/05/2007	Quảng Nam	K59B (Kinh tế)	6.7	7.2	8.4	.	
137	25K4010195	Phan Thị Thanh	Tuyền	15/06/2007	TT Huế	K59B (Kinh tế)	8.1	7.4	6.6	.	
138	25K4270003	Trần Nguyễn Bảo	Ân	14/10/2007	Đà Nẵng	K59B (KT quốc tế)	6.7	8.1	8.3	.	
139	25K4270005	Thạch Thị Lan	Anh	02/01/2007	Hà Tĩnh	K59B (KT quốc tế)	8.1	7.4	.	8.3	
140	25K4270015	Trương Hữu	Đức	03/09/2007	TT Huế	K59B (KT quốc tế)	8.1	.	6.9	7.1	
141	25K4270035	Nguyễn Thị Thùy	Linh	09/09/2007	Hà Tĩnh	K59B (KT quốc tế)	8.1	8.1	.	9.0	VPQC Hp3
142	25K4270041	Ngô Phước Bảo	Minh	09/10/2007	TT Huế	K59B (KT quốc tế)	7.2	.	6.6	8.1	
143	25K4270050	Nguyễn Lê Gia	Nguyên	30/07/2007	TT Huế	K59B (KT quốc tế)	7.4	7.8	8.0	.	
144	25K4270053	Nguyễn Đức	Nhân	01/08/2006	Quảng Bình	K59B (KT quốc tế)	6.5	6.4	8.8	.	
145	25K4270069	Võ Nguyễn Như	Quỳnh	12/08/2007	TT Huế	K59B (KT quốc tế)	7.4	7.4	.	8.9	
146	25K4270092	Lê Văn Phước	Trí	23/05/2007	Quảng Nam	K59B (KT quốc tế)	7.4	6.9	7.4	.	
147	25K4020003	Nguyễn Hồng Phước	An	26/01/2007	Hà Tĩnh	K59B (QTKD)	7.4	6.0	.	7.5	
148	25K4020033	Phạm Thùy	Chi	21/10/2007	Hà Tĩnh	K59B (QTKD)	7.3	7.4	.	8.6	
149	25K4020047	Hoàng Quốc	Duy	10/09/2007	TT Huế	K59B (QTKD)	7.4	8.1	.	6.6	
150	25K4020085	Nguyễn Thị Hồng	Huệ	07/03/2007	Quảng Trị	K59B (QTKD)	8.0	7.4	.	8.9	
151	25K4020091	Phan Nhật	Hung	09/11/2007	TT Huế	K59B (QTKD)	7.4	5.8	.	7.6	
152	25K4020098	Lê Thị Diệu	Huyền	23/06/2007	Quảng Trị	K59B (QTKD)	7.3	6.0	.	8.4	
153	25K4020105	Trương Văn	Khải	06/10/2007	TT Huế	K59B (QTKD)	5.8	.	.	8.9	
154	25K4020113	Huỳnh Văn Anh	Kiệt	11/07/2007	TT Huế	K59B (QTKD)	.	6.0	.	.	
155	25K4020151	Dương Ngọc Bảo	Minh	04/10/2007	TT Huế	K59B (QTKD)	7.2	7.1	6.3	.	
156	25K4020192	Lê Nguyễn Thiện	Nhân	17/08/2007	TT Huế	K59B (QTKD)	7.3	7.4	8.1	.	
157	25K4020196	Dương Minh	Nhật	10/02/2007	TT Huế	K59B (QTKD)	8.1	6.5	6.9	.	
158	25K4020219	Hoàng Thị Cẩm	Nhung	24/10/2007	TT Huế	K59B (QTKD)	7.3	7.4	.	8.9	
159	25K4020229	Trần Ngọc	Phong	20/11/2007	TT Huế	K59B (QTKD)	7.2	8.1	.	8.5	
160	25K4020246	Trịnh Ngọc Nhật	Quang	27/11/2007	TT Huế	K59B (QTKD)	7.4	6.7	.	8.9	VPQC Hp3
161	25K4020303	Nguyễn Thùy	Tiên	07/08/2007	TT Huế	K59B (QTKD)	8.1	8.1	8.3	.	
162	25K4020338	Ngô Thị Kiều	Trinh	04/05/2007	TT Huế	K59B (QTKD)	7.3	6.0	.	8.7	
163	25K4020378	Đặng Thị	Ý	24/03/2007	TT Huế	K59B (QTKD)	7.9	7.9	7.7	.	
164	25K4160028	Hồ Duy	Đan	17/11/2007	Quảng Nam	K59B (TMĐT)	7.9	7.2	8.4	.	
165	25K4160046	Lê Viết Phước	Duy	19/09/2007	TT Huế	K59B (TMĐT)	8.0	7.3	8.4	.	
166	25K4160076	Lê Tăng Nhật	Huy	08/02/2007	TT Huế	K59B (TMĐT)	8.1	7.2	8.4	.	
167	25K4160079	Phạm Nhật	Huy	27/09/2007	TT Huế	K59B (TMĐT)	6.7	8.1	7.4	.	
168	25K4160094	Nguyễn Ngọc Nhân	Khánh	20/12/2007	TT Huế	K59B (TMĐT)	.	5.7	6.5	8.7	
169	25K4160184	Trương Đình	Phát	28/09/2007	TT Huế	K59B (TMĐT)	7.4	8.1	.	6.2	VPQC Hp3
170	25K4160245	Huỳnh Châu Bảo	Trâm	05/06/2007	TT Huế	K59B (TMĐT)	7.4	7.2	7.7	.	
171	25K4160275	Lê Châu	Tuấn	26/08/2007	TT Huế	K59B (TMĐT)	7.9	7.9	9.0	.	
172	25K4020014	Nguyễn Nhật	Anh	05/02/2007	TT Huế	K59C (QTKD)	.	7.4	7.5	8.3	
173	25K4020097	Nguyễn Ngọc	Huy	18/10/2007	Đà Nẵng	K59C (QTKD)	.	7.4	6.8	8.5	
174	25K4020106	Đào Duy	Khánh	01/10/2007	TT Huế	K59C (QTKD)	7.2	5.7	.	.	
175	25K4020111	Phan Minh	Khoa	17/11/2007	TT Huế	K59C (QTKD)	7.4	7.9	7.1	.	
176	25K4020203	Mai Thị Yến	Nhi	20/05/2007	Nghệ An	K59C (QTKD)	7.9	7.4	.	8.3	
177	25K4020311	Hồ Thị Ngọc	Trâm	01/09/2007	TT Huế	K59C (QTKD)	7.8	7.4	.	7.0	
178	25K4020356	Nguyễn Như Phương	Uyên	24/03/2007	TT Huế	K59C (QTKD)	7.9	.	.	8.1	
179	25K4160002	Nguyễn Văn Bảo	An	24/12/2007	TT Huế	K59C (TMĐT)	8.1	7.4	8.6	.	
180	25K4160017	Đặng Nguyễn Minh	Châu	31/10/2007	TT Huế	K59C (TMĐT)	8.1	7.4	8.3	.	
181	25K4160037	Nguyễn Văn	Đạt	14/10/2007	TT Huế	K59C (TMĐT)	.	7.4	6.5	7.4	

182	25K4160042	Hồ Tấn	Đức	26/01/2007	TT Huế	K59C (TMĐT)	8.0	7.4	8.4	.	
183	25K4160053	Hoàng Thanh	Hải	04/04/2007	Đà Nẵng	K59C (TMĐT)	.	7.9	7.7	6.9	
184	25K4160058	Phan Thị Thu	Hằng	16/02/2007	Hà Tĩnh	K59C (TMĐT)	.	7.1	6.8	8.8	
185	25K4160091	Nguyễn Hữu	Khang	08/01/2007	Nghệ An	K59C (TMĐT)	7.4	8.1	7.1	.	
186	25K4160092	Phạm Tấn	Khanh	13/06/2007	TT Huế	K59C (TMĐT)	.	7.4	7.7	7.4	
187	25K4160096	Nguyễn Quốc	Khánh	12/03/2007	TT Huế	K59C (TMĐT)	7.8	7.4	.	8.4	
188	25K4160114	Nguyễn Trung	Lộc	11/07/2007	TT Huế	K59C (TMĐT)	7.9	7.2	8.3	.	
189	25K4160116	Trần Đức	Lương	27/08/2007	Quảng Trị	K59C (TMĐT)	.	8.1	7.8	8.3	
190	25K4160136	Lê Nguyễn Hoài	Nam	05/10/2007	Quảng Nam	K59C (TMĐT)	8.1	7.1	7.4	.	
191	25K4160182	Nguyễn Thị	Ny	11/11/2007	TT Huế	K59C (TMĐT)	8.1	7.4	8.3	.	
192	25K4160207	Hồ Văn	Tài	06/05/2007	TT Huế	K59C (TMĐT)	7.9	8.1	7.8	.	
193	25K4160243	Đoàn Đại Trọng	Tin	25/11/2007	TT Huế	K59C (TMĐT)	7.4	7.6	6.2	.	
194	25K4160246	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	11/09/2007	TT Huế	K59C (TMĐT)	7.4	.	8.0	.	VPOC Hp2
195	25K4160285	Đỗ Trần Tường	Vy	25/03/2007	TP. HCM	K59C (TMĐT)	.	7.1	7.9	8.6	
196	25K4020004	Trần Gia	An	18/09/2007	TT Huế	K59D (QTKD)	7.8	7.4	6.7	.	
197	25K4020059	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/01/2007	TT Huế	K59D (QTKD)	.	8.1	6.9	8.4	
198	25K4020088	Lê Phan Bảo	Hung	14/02/2007	Hà Tĩnh	K59D (QTKD)	7.8	7.9	6.3	.	
199	25K4020121	Nguyễn Ngọc Như	Linh	26/11/2007	TT Huế	K59D (QTKD)	8.1	7.9	6.9	.	
200	25K4020131	Trương Thị Bích	Loan	03/09/2007	TT Huế	K59D (QTKD)	8.1	7.4	7.1	.	
201	25K4020146	Lê Quang	Mạnh	08/12/2007	Kon Tum	K59D (QTKD)	5.8	7.4	.	8.8	VPOC Hp3
202	25K4020148	Nguyễn Duy	Mạnh	28/05/2007	TT Huế	K59D (QTKD)	7.8	8.1	.	8.8	
203	25K4020211	Võ Thị Ngọc	Nhi	22/04/2007	TT Huế	K59D (QTKD)	7.9	8.1	.	8.1	
204	25K4020222	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	19/06/2007	TT Huế	K59D (QTKD)	8.1	8.1	7.9	.	
205	25K4020223	Ngô Thị Kim	Oanh	20/04/2007	TT Huế	K59D (QTKD)	7.9	8.1	.	8.3	
206	25K4020242	Nguyễn Minh	Phuong	03/12/2007	Quảng Trị	K59D (QTKD)	5.8	7.4	.	8.2	
207	25K4020243	Trần Anh	Quân	01/11/2007	TT Huế	K59D (QTKD)	7.6	7.4	.	8.2	
208	25K4020274	Trần Mạnh	Thắng	28/10/2007	Hà Tĩnh	K59D (QTKD)	7.2	7.2	.	8.1	VPOC Hp3
209	25K4020284	Hồ Văn Đức	Thiện	11/07/2007	TT Huế	K59D (QTKD)	6.9	7.2	.	9.3	VPOC Hp3
210	25K4020298	Lê Thị	Thùy	11/02/2007	TT Huế	K59D (QTKD)	8.1	8.1	8.3	.	
211	25K4020308	Bùi Văn	Tinh	23/12/2007	Hòa Bình	K59D (QTKD)	7.3	.	7.7	8.1	VPOC Hp2
212	25K4020324	Nguyễn Hoàng Phương	Trang	03/07/2007	Hà Tĩnh	K59D (QTKD)	8.1	8.1	.	8.7	VPOC Hp3
213	25K4020319	Đỗ Thị Thùy	Trang	17/02/2007	Quảng Trị	K59D (QTKD)	7.2	8.1	.	7.4	
214	25K4020326	Phan Thị Đoan	Trang	20/12/2005	TT Huế	K59D (QTKD)	7.4	8.1	.	.	Miền Hp4
215	25K4020328	Trần Nguyễn Huyền	Trang	24/12/2007	TT Huế	K59D (QTKD)	6.7	8.1	6.3	.	
216	25K4020354	Nguyễn Bảo	Uyên	10/06/2007	TT Huế	K59D (QTKD)	7.4	8.1	.	8.8	
217	25K4020372	Lê Quang Long	Vũ	27/09/2007	TT Huế	K59D (QTKD)	7.9	7.9	6.2	.	
218	25K4020380	Nguyễn Hoàng Hải	Yên	20/03/2007	TT Huế	K59D (QTKD)	7.3	6.0	.	7.7	
219	25K4160004	Hồ Nguyễn Quốc	Anh	01/05/2007	TT Huế	K59D (TMĐT)	8.1	.	6.2	8.2	VPOC Hp2
220	25K4160025	Nguyễn Quang	Công	07/11/2007	TT Huế	K59D (TMĐT)	8.1	7.8	8.6	.	
221	25K4160055	Phạm Huyền Khánh	Hân	04/05/2007	Quảng Ngãi	K59D (TMĐT)	8.1	7.8	7.1	.	
222	25K4160066	Nguyễn Văn	Hoàng	05/04/2007	Hà Tĩnh	K59D (TMĐT)	7.9	7.1	8.0	.	
223	25K4160101	Hồ Gia	Kiệt	03/09/2007	TT Huế	K59D (TMĐT)	6.4	6.5	7.2	.	
224	25K4160106	Đỗ Thị Khánh	Linh	22/05/2007	Quảng Bình	K59D (TMĐT)	7.4	.	6.5	8.7	VPOC Hp2
225	25K4160149	Lê Trần Hạnh	Nguyên	20/04/2007	Hà Tĩnh	K59D (TMĐT)	8.1	.	8.2	7.9	VPOC Hp2
226	25K4160152	Nguyễn Ngọc	Nguyên	11/12/2007	TT Huế	K59D (TMĐT)	7.4	.	7.1	8.6	VPOC Hp2
227	25K4160172	Nguyễn Thị Ý	Nhi	11/11/2007	TP. HCM	K59D (TMĐT)	8.1	8.1	9.1	.	
228	25K4160191	Nguyễn Anh	Quân	05/12/2007	TT Huế	K59D (TMĐT)	6.7	7.2	8.4	.	
229	25K4160213	Đặng Việt	Thắng	20/11/2007	Nghệ An	K59D (TMĐT)	8.1	7.4	8.7	.	

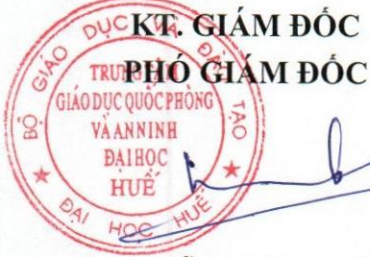
VA
TAM
CPB
INH
JC
FH

230	25K4160214	Trần Đặng Yến	Thanh	03/02/2007	TT Huế	K59D (TMĐT)	6.7	7.2	7.6	.	.
231	25K4160216	Nguyễn Văn	Thành	11/12/2007	Thanh Hóa	K59D (TMĐT)	8.1	8.0	9.3	.	.
232	25K4160229	Dương Đặng Minh	Thư	10/09/2007	TP. HCM	K59D (TMĐT)	8.1	8.1	7.7	.	.
233	25K4160253	Võ Thị Bảo	Trâm	04/08/2007	An Giang	K59D (TMĐT)	8.1	.	7.4	8.1	VPQC Hp2
234	25K4160262	Trần Thị Thu	Trang	13/01/2007	Nghệ An	K59D (TMĐT)	.	7.2	6.1	6.9	.
235	25K4020071	Trần Đức Ngọc	Hiếu	23/09/2007	TT Huế	K59E (QTKD)	5.9	.	.	6.9	VPQC Hp2
236	25K4020094	Hồ Thị Thu	Hương	31/07/2007	TT Huế	K59E (QTKD)	8.1	8.1	7.1	.	.
237	25K4020161	Đoàn Thị Thùy	Na	12/06/2007	TT Huế	K59E (QTKD)	.	8.1	5.8	.	.
238	25K4020186	Đỗ Thị Phương	Nhân	15/11/2007	Quảng Trị	K59E (QTKD)	8.1	7.9	8.4	.	.
239	25K4020220	Ngô Thị Ngọc	Nhung	16/07/2007	TT Huế	K59E (QTKD)	7.4	7.2	6.5	.	.
240	25K4020287	Nguyễn Tiến	Thịnh	06/01/2007	TT Huế	K59E (QTKD)	7.2	6.7	7.2	.	.
241	25K4020058	Nguyễn Ngọc	Hà	13/08/2007	Bình Dương	K59F (QTKD)	.	7.4	6.3	.	Xóa KQ Hp1.4
242	25K4020075	Lê Thị	Hoa	11/09/2007	TT Huế	K59F (QTKD)	6.7	7.4	7.7	.	.
243	25K4020074	Hoàng Thị	Hoa	05/05/2007	TT Huế	K59F (QTKD)	8.1	7.8	8.6	.	.
244	25K4020118	Nguyễn Hoàng	Lan	24/04/2007	Đắk Lắk	K59F (QTKD)	7.3	.	6.9	9.5	VPQC Hp2
245	25K4020185	Trần Nguyễn Trung	Nguyên	10/10/2007	Quảng Trị	K59F (QTKD)	6.7	.	7.7	8.4	.
246	25K4020195	Văn Đình	Nhân	23/10/2007	TT Huế	K59F (QTKD)	6.0	5.7	.	8.2	.
247	25K4020199	Nguyễn Huỳnh Minh	Nhật	19/06/2007	TT Huế	K59F (QTKD)	6.6	.	7.2	7.6	.
248	25K4020233	Phạm Nguyễn Trường	Phúc	10/02/2007	Quảng Bình	K59F (QTKD)	6.0	5.7	.	8.2	.
249	25K4020236	Hồ Minh	Phước	14/02/2007	TT Huế	K59F (QTKD)	5.8	.	.	8.1	VPQC Hp2
250	25K4020267	Trần Văn	Tấn	19/10/2007	TT Huế	K59F (QTKD)	.	6.0	7.0	9.0	.
251	25K4020289	Dương Thị Minh	Thư	24/01/2007	TT Huế	K59F (QTKD)	.	7.1	8.6	9.5	.
252	25K4020304	Võ Thùy	Tiên	18/09/2007	TT Huế	K59F (QTKD)	8.1	8.1	6.5	.	.
253	25K4020347	Nguyễn Tuấn	Tú	09/08/2007	Quảng Bình	K59F (QTKD)	7.4	.	7.2	8.9	.
254	25I1070014	Nguyễn Phan Khánh	Băng	22/01/2007	TT Huế	ình tế xây dựng	8.1	.	7.1	9.2	Xóa KQ Hp2
255	25I1070005	Cao Thái	Dương	03/05/2007	Quảng Bình	ình tế xây dựng	8.1	.	.	8.2	Xóa KQ Hp2.3
256	25I1070002	Nguyễn Văn	Minh	17/10/2007	Quảng Nam	ình tế xây dựng	.	7.4	8.0	7.7	.
257	25I1070013	Trần Đức	Minh	24/06/2007	TT Huế	ình tế xây dựng	6.7	.	.	9.5	Xóa KQ Hp2.3
258	25I1030008	Nguyễn Công Tiến	Dũng	12/3/2007	Quảng Trị	KTTNTN	.	7.4	8.5	9.8	.
259	25I1030010	Hoàng Thanh	Huyền	18/07/2005	TT Huế	KTTNTN	6.7	.	.	.	Xóa KQ Hp2.3.4
260	25I1030004	Từ Thị Xuân	Ngọc	02/09/2007	TT Huế	KTTNTN	6.7	8.1	7.5	.	.
261	25I1030005	Nguyễn Gia	Phú	27/12/2007	Quảng Ngãi	KTTNTN	.	6.5	8.7	8.3	.
262	25I1030016	Lê Văn	Son	02/11/2007	TT Huế	KTTNTN	.	7.2	7.4	8.9	.
263	25I1030006	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	10/04/2007	Bình Phước	KTTNTN	6.7	8.1	7.2	.	.
264	25I1010002	Nguyễn Hoài	An	16/05/2007	Nghệ An	QHQT	6.0	8.1	8.4	.	.
265	25I1010005	Nguyễn Lan	Anh	24/03/2007	TT Huế	QHQT	7.2	7.4	7.8	.	.
266	25I1010011	Nguyễn Thu	Giang	22/06/2007	Quảng Bình	QHQT	7.4	8.1	.	8.3	.
267	25I1010045	Nguyễn Thị Nhật	Hằng	27/06/2006	TT Huế	QHQT	7.4	6.7	7.7	.	.
268	25I1010052	Nguyễn Trương Quốc	Khánh	25/08/2007	Nghệ An	QHQT	6.0	7.4	8.7	.	.
269	25I1010054	Lê Đình Hoài	Linh	19/10/2007	Thanh Hóa	QHQT	.	6.7	7.1	8.6	.
270	25I1010016	Đình Sơn Khánh	Linh	19/10/2007	TT Huế	QHQT	7.4	.	8.4	8.9	Xóa KQ Hp2
271	25I1010020	Dương Thị Hồng	Ngọc	19/09/2007	Quảng Bình	QHQT	.	7.2	7.5	8.0	.
272	25I1010022	Lê Thị Bích	Ngọc	06/10/2007	TT Huế	QHQT	6.7	8.1	6.2	.	.
273	25I1010065	Lê Thị	Thu	23/12/2007	TT Huế	QHQT	8.1	8.1	7.4	.	.
274	25I1010037	Phan Nguyễn Ngọc	Trâm	27/10/2007	TT Huế	QHQT	8.1	.	6.5	7.1	Xóa KQ Hp2
275	25I1020001	H- Nhân- Ái-	Adrong	21/05/2007	Đắk Lắk	TTĐPT	6.7	7.4	8.7	.	.
276	25I1020008	Nguyễn Thị Kim	Chi	19/03/2007	Hà Tĩnh	TTĐPT	7.4	8.1	5	9.1	Phúc khác 25/14/12/6

277	2511020030	Nguyễn Tiến	Lâm	17/09/2007	Hà Tĩnh	TTĐPT	.	7.4	8.6	7.4	
278	2511020031	Lê Thị	Lan	07/06/2007	TT Huế	TTĐPT	8.1	7.4	8.0	.	
279	2511020037	Phan Thị Mỹ	Linh	23/04/2007	Gia Lai	TTĐPT	6.7	7.4	6.6	.	
280	2511020051	Lê Thục	Nhã	26/02/2007	TT Huế	TTĐPT	7.9	7.4	8.4	.	
281	2511020073	Lê Uyên	Phuong	18/06/2007	TT Huế	TTĐPT	7.2	8.1	8.6	.	Bảo lưu
282	2511020072	Hồ Trần Mai	Phuong	20/02/2007	Quảng Trị	TTĐPT	8.1	7.4	8.9	.	
283	2511020092	Trần Đình	Tiến	14/02/2007	Hà Tĩnh	TTĐPT	.	6.7	8.3	8.0	
284	2511020105	Hồ Diệu Khánh	Vy	18/02/2007	TT Huế	TTĐPT	7.4	8.1	.	7.8	VPQC Hp3

Ấn định danh sách 284 sinh viên

Huế, ngày 26 tháng 01 năm 2026



GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Thiện

PHÓ TR. PHÒNG ĐT, QLSV

Vũ Thị Chung

CÁN BỘ VÀO ĐIỂM

Hoàng Thị Lý

